

Số: 04.2025/CBTT-KHD

Hải Dương, ngày 17 tháng 03 năm 2025

## CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, CTCP khai thác, chế biến khoáng sản Hải Dương thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) năm 2024 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức:

- Mã chứng khoán: KHD
- Địa chỉ: Số 87 Vũ Mạnh Hùng, khu dân cư số 2, phường Phú Thú, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương
- Điện thoại liên hệ/Tel:..... Fax:
- Email: [Hamicokshd@gmail.com](mailto:Hamicokshd@gmail.com)
- Website: Khoangsanhai duong.com

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC năm 2024

BCTC riêng;

BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán năm 2024):

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2024):

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 17/03/2025 tại đường dẫn: <http://khoangsanhai duong.com> – Mục thông tin cỗ đông - Báo cáo tài chính

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

Tài liệu đính kèm:

- BCTC hợp nhất năm 2024

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



# CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN QUỐC TẾ International Auditing Company Limited

CÔNG TY CỔ PHẦN KHAI THÁC, CHÉ BIỂN KHOÁNG SẢN HẢI DƯƠNG  
(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024



Thành viên hàng AGN International  
Kiểm toán | Thuế | Tư vấn

A member firm of AGN International  
Audit | Tax | Advisory

CÔNG TY CỔ PHẦN KHAI THÁC, CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN HẢI DƯƠNG  
(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024



---

Tháng 3 năm 2025

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỒI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	8
BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	10 - 23

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Khai thác, Chế biến Khoáng sản Hải Dương (gọi tắt là "Công ty") đề trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### Hội đồng Quản trị

Ông Ngô Quang Huy	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 25/04/2024)
Ông Vũ Thắng Bình	Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 25/04/2024)
Ông Đào Văn Dũng	Phó Chủ tịch
Ông Phạm Hồng Thịnh	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 25/04/2024)
Ông Đoàn Văn Cường	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 25/04/2024)
Ông Nguyễn Ngọc Tuấn	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 25/04/2024)
Ông Hồ Văn Tuấn	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 25/04/2024)

#### Ban kiểm soát

Ông Bùi Văn Quang	Trưởng ban (Bổ nhiệm ngày 04/12/2024)
Ông Bùi Văn Quang	Thành viên (Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 03/12/2024)
Ông Cao Văn Cần	Trưởng ban (Miễn nhiệm ngày 04/12/2024)
Ông Hồ Văn Tuấn	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 25/04/2024)
Bà Nguyễn Thị Hà	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 25/04/2024)

#### Ban Giám đốc

Ông Đào Văn Dũng	Giám đốc
Ông Đoàn Văn Cường	Phó Giám đốc

#### Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến ngày lập báo cáo này là ông Đào Văn Dũng - Giám đốc.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kê toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Đào Văn Dũng

Giám đốc

Ngày 14 tháng 03 năm 2025

Số: 031404/2025/BCKT-iCPA

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi:** Các Cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Khai thác, Chế biến Khoáng sản Hải Dương

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Khai thác, Chế biến Khoáng sản Hải Dương (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 14 tháng 03 năm 2025, từ trang 6 đến trang 23 bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Khai thác, Chế biến Khoáng sản Hải Dương chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

### Vấn đề nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh số II - Cơ sở lập báo cáo hợp nhất và năm tài chính. Báo cáo tài chính hợp nhất được soạn lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng Công ty mẹ và Báo cáo tài chính Công ty con – Công ty Cổ phần Đức Chung Thái Nguyên. Tại ngày 31/12/2024 Công ty mẹ đã ngừng hoạt động sản xuất kinh doanh chính do các mỏ đã hết trữ lượng khai thác. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024 của Công ty mẹ đang bị lỗ với số tiền là 2.897.356.620 đồng, lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh Công ty mẹ trong năm âm 3.294.967.165 đồng. Các điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Theo đó, khả năng hoạt động liên tục của Công ty phụ thuộc vào tính hiệu quả trong việc thực thi các biện pháp nhằm tăng sản lượng khai thác tại mỏ Hang Trai 2 cũng như tăng doanh thu bán hàng tại Công ty Cổ phần Đức Chung Thái Nguyên.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề nêu trên.



Lê Quốc Anh  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 3384-2025-072-1  
Thay mặt và đại diện cho  
Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế (iCPA)  
Hà Nội, ngày 14 tháng 03 năm 2025

Dư Thị Kiều Anh  
Kiểm toán viên  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 5193-2025-072-1

BẢNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN HỢP NHẤT  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	100		35.944.627.345	14.226.928.758
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	12.927.255.250	4.080.045.608
1. Tiền	111		11.427.255.250	1.580.045.608
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.500.000.000	2.500.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		8.500.000.000	6.500.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	8.500.000.000	6.500.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		13.047.667.709	2.188.651.732
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	4.457.988.250	1.991.840.262
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		58.217.460	95.000.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4a	10.084.421.499	1.654.770.970
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(1.552.959.500)	(1.552.959.500)
IV. Hàng tồn kho	140		340.062.224	259.074.203
1. Hàng tồn kho	141		340.062.224	259.074.203
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.129.642.162	1.199.157.215
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	49.592.547	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		380.033.141	247.904.219
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.10a	700.016.474	951.252.996
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	200		25.184.930.208	35.943.404.021
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		487.184.153	9.960.624.259
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.4b	487.184.153	9.960.624.259
II. Tài sản cố định	220		5.011.609.984	5.674.071.690
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	5.011.609.984	5.674.071.690
- Nguyên giá	222		16.866.431.166	19.010.257.294
- Giá trị hao mòn luỹ kế	223		(11.854.821.182)	(13.336.185.604)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		306.869.388	-
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.7	306.869.388	-
IV. Tài sản dài hạn khác	260		19.379.266.683	20.308.708.072
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	14.621.462.336	14.252.289.713
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	1.031.010
3. Lợi thế thương mại	269	V.9	4.757.804.347	6.055.387.349
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	270		61.129.557.553	50.170.332.779

BẢNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	300		19.029.642.730	13.640.965.347
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	310		17.513.783.767	6.921.575.616
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		59.216.800	-
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		265.354.500	55.968.250
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.10b	4.760.552.678	660.530.997
4. Phải trả người lao động	314		1.184.498.888	441.904.715
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		253.207.204	249.602.424
6. Phải trả ngắn hạn khác	319		265.700.520	19.275.523
7. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.11	10.690.891.827	5.435.006.421
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		34.361.350	59.287.286
<b>II. Nợ dài hạn</b>	330		1.515.858.963	6.719.389.731
1. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	86.000.000
2. Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.11	1.515.858.963	6.633.389.731
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	400		42.099.914.823	36.529.367.432
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	410	V.12	42.099.914.823	36.529.367.432
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		32.628.180.000	32.628.180.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		32.628.180.000	32.628.180.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		9.469.549.096	3.900.020.610
- <i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước</i>	421a		3.850.020.610	7.293.006.552
- <i>LNST chưa phân phối năm nay</i>	421b		5.619.528.486	(3.392.985.942)
3. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		2.185.727	1.166.822
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	440		61.129.557.553	50.170.332.779



Trần Thị Vân  
Người lập biểu  
Ngày 14 tháng 03 năm 2025

Nguyễn Hữu Khiêm  
Kế toán trưởng

Đào Văn Dũng  
Giám đốc

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	32.973.057.500	15.060.264.000
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		32.973.057.500	15.060.264.000
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	14.529.895.959	10.801.041.962
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		18.443.161.541	4.259.222.038
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	343.944.497	795.387.679
7. Chi phí tài chính	22		-	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	VI.4a	-	4.772.721
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.4b	10.739.566.335	8.994.594.831
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		8.047.539.703	(3.944.757.835)
12. Thu nhập khác	31	VI.5	656.681.750	784.109.740
13. Chi phí khác	32	VI.6	138.790.910	525.802.391
14. Lợi nhuận khác	40		517.890.840	258.307.349
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		8.565.430.543	(3.686.450.486)
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.7	3.029.852.142	58.266.176
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.7	(84.968.990)	(351.906.554)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		5.620.547.391	(3.392.810.108)
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty	61		5.619.528.486	(3.392.985.942)
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		1.018.905	175.834
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	1.723	(1.055)
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8	1.723	(1.055)



Trần Thị Vân  
Người lập biếu  
Ngày 14 tháng 03 năm 2025

Nguyễn Hữu Khiêm  
Kế toán trưởng

Đào Văn Dũng  
Giám đốc

**BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
(Phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I. LƯU CHUYÊN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	8.565.430.543	(3.686.450.486)
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	1.444.424.669	1.727.775.080
Các khoản dự phòng	03	-	(190.796.330)
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(944.118.419)	(1.145.277.668)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	9.065.736.793	(3.294.749.404)
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	783.752.541	4.381.882.597
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(80.988.021)	409.711.052
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	1.836.017.040	(748.419.875)
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	(418.765.170)	(337.491.734)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(356.015.786)	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(74.925.936)	(95.125.896)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	10.754.811.461	315.806.740
<b>II. LƯU CHUYÊN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(882.076.401)	-
2. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	613.097.000	519.697.527
3. Tiền chi cho vay và mua công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(8.500.000.000)	(6.500.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	6.500.000.000	4.000.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	361.377.582	703.047.954
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.907.601.819)	(1.277.254.519)
<b>III. LƯU CHUYÊN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	8.847.209.642	(961.447.779)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4.080.045.608	5.041.493.387
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	12.927.255.250	4.080.045.608



Trần Thị Vân  
Người lập biếu  
Ngày 14 tháng 03 năm 2025

Nguyễn Hữu Khiêm  
Kế toán trưởng

Đào Văn Dũng  
Giám đốc

**THUYẾT MINH BAO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Khai thác, Chế biến Khoáng sản Hải Dương (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Mỏ đá vôi Thống Nhất Hải Hưng được thành lập và đi vào hoạt động từ năm 1958. Đến năm 1977 được đổi tên là Công ty Khai thác, Chế biến đá và Khoáng sản Hải Dương. Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 2740/QĐ-UB ngày 04 tháng 07 năm 2003 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0403000075 ngày 18 tháng 07 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp. Hiện tại, Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 9 ngày 11 tháng 12 năm 2019, mã số thuế 0800282498.

Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2024 là 32.628.180.000 đồng (Bằng chữ: Ba mươi hai tỷ sáu trăm hai mươi tám triệu một trăm tám mươi nghìn đồng chẵn) tương ứng 3.262.818 cổ phần.

**2. Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính của Công ty là khai thác, chế biến khoáng sản.

**3. Ngành nghề kinh doanh**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Khai thác chế biến đá làm nhiên liệu, sản xuất vật liệu xây dựng;
- Khai thác và chế biến đất sét;
- Khai thác tận thu chế biến Bauxits;
- Khai thác cát đất đồi;
- Sửa chữa cơ khí - điện; và
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông.

**4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**5. Cấu trúc doanh nghiệp**

Công ty có trụ sở chính tại Số 87 Vũ Mạnh Hùng, Khu dân cư số 2, Phường Phú Thủ, Thị xã Kinh Môn, Tỉnh Hải Dương.

Công ty chỉ đầu tư vào Công ty Cổ phần Đức Chung Thái Nguyên có trụ sở chính tại Xóm Đồng Mẫu, Xã Tân Long, Huyện Đồng Hỷ, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là khai thác, chế biến đá làm nguyên liệu, sản xuất vật liệu xây dựng. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty con này là 99,99%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ phần sở hữu tương đương với tỷ lệ vốn góp.

**6. Nhân viên**

Tổng số nhân viên của Công ty mẹ và Công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 38 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 40 người).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Thuyết minh về giả định hoạt động liên tục**

Tại ngày 31/12/2024, Công ty chỉ còn mỏ Hang Trai 2 (Công ty Cổ phần Đức Chung Thái Nguyên) đang được khai thác, các mỏ còn lại của Công ty mẹ đã hết trữ lượng khai thác. Công ty mẹ đã ngừng hoạt động sản xuất kinh doanh chính (khai thác khoáng sản), đang thực hiện hoàn nguyên môi trường đóng cửa mỏ theo các đề án hoàn nguyên được Cơ quan Nhà nước phê duyệt.

Báo cáo tài chính riêng Công ty mẹ có kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024 đang bị lỗ với số tiền là 2.897.356.620 đồng, lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trong năm âm 3.294.967.165 đồng.

Ban lãnh đạo Công ty đang thực hiện triển khai một số biện pháp nhằm tăng sản lượng khai thác tại mỏ Hang Trai 2 cũng như tăng doanh thu bán hàng tại Công ty Cổ phần Đức Chung Thái Nguyên như: đầu tư thêm tài sản cố định, thay đổi chính sách bán hàng, mở rộng thị trường tiêu thụ.... Ban lãnh đạo Công ty cũng đã và đang thường xuyên đánh giá ảnh hưởng, quyết liệt triển khai các kế hoạch để Công ty có thể duy trì tối đa khả năng hoạt động liên tục. Ban Giám đốc đã lập kế hoạch dòng tiền và kế hoạch lợi nhuận trong 12 tháng tiếp theo dự kiến sẽ được tạo ra từ hoạt động kinh doanh.

Tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, dòng tiền kế hoạch của Công ty có thể hoàn trả các khoản nợ khi đến hạn và tiếp tục hoạt động trong năm tài chính tiếp theo.Thêm vào đó, Công ty không có các khoản vay ngắn hạn bị quá hạn thanh toán. Dựa trên các cơ sở này, Ban Giám đốc của Công ty cho rằng việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty trên cơ sở hoạt động liên tục là phù hợp.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC; Thông tư số 202/2014/TT-BTC ("Thông tư 202") ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất :

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiểu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

**Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại trên Báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm (theo VAS11- Hợp nhất kinh doanh, thời gian hữu dụng ước tính tối đa không quá 10 năm). Định kỳ, Công ty mẹ phải đánh giá tồn thắt lợi thế thương mại tại công ty con. Nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tồn thắt lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tồn thắt vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con được trình bày riêng như một loại tài sản có khác trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Các khoản đầu tư tài chính**

**Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, ký phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tồn tháo được xác định một cách đáng tin cậy thì tồn tháo được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm tiền phí cấp quyền khai thác mỏ, chi phí đền bù giải phóng mặt bằng và các khoản chi phí trả trước khác.

Phí cấp quyền khai thác khoáng sản được Công ty phân bổ theo thời gian khai thác mỏ căn cứ theo Giấy phép khai thác khoáng sản và có điều chỉnh theo Thông báo của Cơ quan thuế hàng năm.

Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng liên quan đến việc giải phóng mặt bằng của diện tích đất thuê trả tiền hàng năm tại xã Tân Long, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên để sử dụng vào mục đích khai thác đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường. Công ty thực hiện phân bổ theo thời gian khai thác mỏ căn cứ theo Giấy phép khai thác khoáng sản.

Các khoản chi phí trả trước khác là các khoản chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dừng được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc thiết bị	04 - 16
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	07 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 - 14

**Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động. Dự phòng phải trả tại Công ty bao gồm: chi phí hoàn nguyên mỗi trường các mỏ Hàm Long, Áng Bát, Áng Rong, Tân Sơn, Bắc Tân Sơn và Hang Trai 2.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- (d) Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở đòn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận (hoặc lỗ) sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

**Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên tham cặn trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

**THUYẾT MINH BAO CAO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỒI KÉ TOÁN HỢP NHẤT**

**1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	863.466.820	96.402.718
Tiền gửi ngân hàng	10.563.788.430	1.483.642.890
Các khoản tương đương tiền (*)	1.500.000.000	2.500.000.000
<b>Cộng</b>	<b>12.927.255.250</b>	<b>4.080.045.608</b>

(\*) Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương - PGD Hoàng Thạch và Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Hải Dương có kỳ hạn 1 tháng và lãi suất từ 1,6 đến 2,1%/năm.

**2. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (*)	8.500.000.000	6.500.000.000
<b>Cộng</b>	<b>8.500.000.000</b>	<b>6.500.000.000</b>

(\*) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn bao gồm các khoản tiền gửi tại các Ngân hàng, cụ thể:

- Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương - PGD Hoàng Thạch theo Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng, lãi suất 2,9%/năm đến 4,2%/năm.
- Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Hải Dương theo Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng, lãi suất từ 4,2%/năm đến 6%/năm.

**3. PHẢI THU NGÂN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty TNHH Hoàng Anh Văn	1.136.218.250	-
Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Lê Duy	694.793.000	-
Công ty TNHH VLXD Vận tải Trường Khánh	345.399.750	177.694.000
Các khách hàng khác	2.281.577.250	1.814.146.262
<b>Cộng</b>	<b>4.457.988.250</b>	<b>1.991.840.262</b>

**4. PHẢI THU KHÁC**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Phải thu ngắn hạn khác		
Tạm ứng	-	10.000.000
Ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường (*)	10.001.605.060	1.531.598.368
Phải thu lãi dự thu tiền gửi	82.816.439	113.172.602
<b>Cộng</b>	<b>10.084.421.499</b>	<b>1.654.770.970</b>
b. Phải thu dài hạn khác		
Ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường (**)	487.184.153	9.960.624.259
<b>Cộng</b>	<b>487.184.153</b>	<b>9.960.624.259</b>

(\*) Tiền kí quỹ cải tạo, phục hồi môi trường của các mỏ Hàm Long, Áng Bát, Áng Rong và Tân Sơn.

(\*\*) Tiền kí quỹ cải tạo, phục hồi môi trường của mỏ Hang Trai 2.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỒI KÉ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

## 5. NỢ XÂU

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Sơn Thịnh	305.471.000	-	305.471.000	305.471.000	-	305.471.000
Công ty TNHH Đức Thành	282.248.000	-	282.248.000	282.248.000	-	282.248.000
Công ty Cổ phần Thương mại Thành Vinh	181.051.800	-	181.051.800	181.051.800	-	181.051.800
Các khoản khác	784.188.700	-	784.188.700	784.188.700	-	784.188.700
Cộng	<b>1.552.959.500</b>	-	<b>1.552.959.500</b>	<b>1.552.959.500</b>	-	<b>1.552.959.500</b>

## 6. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

## NGUYÊN GIÁ

Số dư đầu năm

Mua trong năm

Thanh lý tài sản cố định

Số dư cuối năm

## HAO Mòn LÜY KẾ

Số dư đầu năm

Kháu hao trong năm

Thanh lý tài sản cố định

Số dư cuối năm

## GIÁ TRỊ CÒN LẠI

Tại ngày đầu năm

Tại ngày cuối năm

Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
2.287.937.546	<b>15.480.094.098</b>	<b>1.162.735.650</b>	<b>79.490.000</b>	<b>19.010.257.294</b>
-	781.962.963	-	-	781.962.963
-	(2.705.789.091)	(220.000.000)	-	(2.925.789.091)
<b>2.287.937.546</b>	<b>13.556.267.970</b>	<b>942.735.650</b>	<b>79.490.000</b>	<b>16.866.431.166</b>
1.189.064.139	<b>10.904.895.815</b>	<b>1.162.735.650</b>	<b>79.490.000</b>	<b>13.336.185.604</b>
110.093.251	1.334.331.418	-	-	1.444.424.669
-	(2.705.789.091)	(220.000.000)	-	(2.925.789.091)
<b>1.299.157.390</b>	<b>9.533.438.142</b>	<b>942.735.650</b>	<b>79.490.000</b>	<b>11.854.821.182</b>
<b>1.098.873.407</b>	<b>4.575.198.283</b>	-	-	<b>5.674.071.690</b>
<b>988.780.156</b>	<b>4.022.829.828</b>	-	-	<b>5.011.609.984</b>

Nguyên giá của các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 với giá trị là 2.930.986.658 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 5.021.769.949 đồng).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**V. THÔNG TIN BỘ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỒI KÉ TOÁN  
 HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**7. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DÀNG**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Dự án xây dựng đường nước thải bảo vệ môi trường	306.869.388	-
Cộng	<b>306.869.388</b>	<b>-</b>

**8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	19.675.879	-
Chi phí trả trước khác	29.916.668	-
Cộng	<b>49.592.547</b>	<b>-</b>
b. Dài hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	31.680.000	-
Chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng (*)	7.427.991.153	7.763.087.570
Chi phí cấp quyền khai thác khoáng sản (**)	7.161.791.183	6.489.202.143
Cộng	<b>14.621.462.336</b>	<b>14.252.289.713</b>

(\*) Bao gồm chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng của 38.096,9 mét vuông đất tại xã Tân Long, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên để phục vụ Dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác mỏ đá vôi Hang Trai 2.

(\*\*) Chi phí cấp quyền khai thác khoáng sản tại mỏ đá Hang Trai 2.

**9. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI**

	VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm trước	12.975.830.030
Số dư đầu năm nay	12.975.830.030
Số dư cuối năm nay	12.975.830.030
Giá trị phân bổ lũy kế	
Số dư đầu năm trước	5.622.859.680
Phân bổ trong năm trước	1.297.583.002
Số dư đầu năm nay	6.920.442.682
Phân bổ trong năm nay	1.297.583.002
Số dư cuối năm nay	8.218.025.683
Giá trị còn lại	
Tại ngày đầu năm	6.055.387.349
Tại ngày cuối năm	4.757.804.347

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐÓI KÉ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/ PHẢI TRẢ NHÀ NƯỚC**

	Số cuối năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp/ khấu trừ trong năm VND	Số đầu năm VND
a. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	672.496.722	-	-	672.496.722
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	27.519.752	358.625.547	107.389.025	278.756.274
Cộng	<u>700.016.474</u>	<u>358.625.547</u>	<u>107.389.025</u>	<u>951.252.996</u>
b. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước				
Thuế giá trị gia tăng	1.568.633.927	3.311.655.750	2.102.719.619	359.697.796
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.732.102.532	3.029.852.142	356.015.786	58.266.176
Thuế thu nhập cá nhân	50.923.500	91.707.000	40.783.500	-
Thuế tài nguyên	295.607.019	1.673.351.019	1.566.055.725	188.311.725
Phí, lệ phí khác	113.285.700	2.239.716.732	2.180.686.332	54.255.300
Cộng	<u>4.760.552.678</u>	<u>10.346.282.643</u>	<u>6.246.260.962</u>	<u>660.530.997</u>

**11. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ**

	Dự phòng chi phí hoàn nguyên môi trường (*) VND	Tổng VND
	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>Số dư đầu năm</b>		
Trích bổ sung/(hoàn nhập) dự phòng	12.068.396.152	12.068.396.152
Các khoản dự phòng đã sử dụng	2.947.266.236	2.947.266.236
Số dư cuối năm	<u>2.808.911.598</u>	<u>2.808.911.598</u>
	<u>12.206.750.790</u>	<u>12.206.750.790</u>
<b>Chi tiết:</b>		
Nợ ngắn hạn	10.690.891.827	5.435.006.421
Nợ dài hạn	1.515.858.963	6.633.389.731
Cộng	<u>12.206.750.790</u>	<u>12.068.396.152</u>

- (\*) Chi phí hoàn nguyên môi trường là tổng chi phí ước tính phải bỏ ra để phục hồi môi trường sau khi kết thúc khai thác theo các Đề án cải tạo phục hồi môi trường của Công ty đã được Ủy ban Nhân dân tỉnh Hải Dương, Ủy ban Nhân dân tỉnh Thái Nguyên phê duyệt và được điều chỉnh lại theo các quyết định: Quyết định số 593/QĐ-UBND ngày 07/04/2023, Quyết định số 594/QĐ-UBND ngày 07/04/2023, Quyết định số 2802/QĐ-UBND ngày 01/12/2023 và Quyết định số 537/QĐ-UBND ngày 08/03/2024. Dự phòng chi phí hoàn nguyên môi trường ngắn hạn cuối năm bao gồm các mỏ Hàm Long, Áng Bát, Áng Rong, Tân Sơn, Bắc Tân Sơn. Dự phòng chi phí hoàn nguyên môi trường dài hạn cuối năm bao gồm các mỏ Hàm Long, Áng Bát, Áng Rong, Bắc Tân Sơn và Hang Trai 2.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐÓI KÉ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**12. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

a. **Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đồng không kiểm soát	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	32.628.180.000	7.343.006.552	990.988	39.972.177.540
Lãi/lỗ trong năm	-	(3.392.985.942)	175.834	(3.392.810.108)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	(50.000.000)	-	(50.000.000)
Số dư đầu năm nay	32.628.180.000	3.900.020.610	1.166.822	36.529.367.432
Lãi/lỗ trong năm	-	5.619.528.486	1.018.905	5.620.547.391
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	(50.000.000)	-	(50.000.000)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>32.628.180.000</b>	<b>9.469.549.096</b>	<b>2.185.727</b>	<b>42.099.914.823</b>

(\*) Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết số 04/NQ-ĐHĐCD ngày 25 tháng 04 năm 2024 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.

b. **Cổ phiếu**

	Số cuối năm Cổ phiếu	Số đầu năm Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.262.818	3.262.818
- Cổ phiếu phổ thông	3.262.818	3.262.818
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.262.818	3.262.818
- Cổ phiếu phổ thông	3.262.818	3.262.818

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

**1. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán hàng hóa	32.973.057.500	15.060.264.000
<b>Cộng</b>	<b>32.973.057.500</b>	<b>15.060.264.000</b>

**2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn hàng bán	14.529.895.959	10.801.041.962
<b>Cộng</b>	<b>14.529.895.959</b>	<b>10.801.041.962</b>

**3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, ký quỹ	343.944.497	795.387.679
<b>Cộng</b>	<b>343.944.497</b>	<b>795.387.679</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**4. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>a. Chi phí bán hàng</b>		
Chi phí thuê máy móc, thiết bị, vận chuyển bốc xếp	-	4.772.721
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>4.772.721</b>
<b>b. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
Chi phí nhân viên quản lý	5.609.425.171	2.528.695.793
Chi phí khấu hao TSCĐ	34.839.819	258.028.803
Thuế, phí và lệ phí	281.565.432	947.269.408
Trích lập/(Hoàn nhập) chi phí dự phòng	2.904.227.000	2.123.425.531
Chi phí dịch vụ mua ngoài	361.263.326	64.702.299
Chi phí bằng tiền khác	250.662.585	1.774.889.994
Phân bổ lợi thế thương mại	1.297.583.002	1.297.583.003
<b>Cộng</b>	<b>10.739.566.335</b>	<b>8.994.594.831</b>

**5. THU NHẬP KHÁC**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, công cụ dụng cụ	613.097.000	495.479.478
Thu nhập khác	43.584.750	288.630.262
<b>Cộng</b>	<b>656.681.750</b>	<b>784.109.740</b>

**6. CHI PHÍ KHÁC**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Các khoản phạt hành chính	132.344.669	380.212.902
Thanh lý nhượng bán TSCĐ	-	145.589.489
Chi phí khác	6.446.241	-
<b>Cộng</b>	<b>138.790.910</b>	<b>525.802.391</b>

**7. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	3.029.852.142	58.266.176
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	3.029.852.142	58.266.176
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>3.029.852.142</b>	<b>58.266.176</b>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(84.968.990)	(351.906.554)
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	(84.968.990)	(351.906.554)
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại</b>	<b>(84.968.990)</b>	<b>(351.906.554)</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**8. LÃI CƠ BẢN/SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận/lỗ để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.620.547.391	(3.392.810.108)
Trừ: Trích quỹ khen thưởng phúc lợi ước tính	-	(50.000.000)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.620.547.391	(3.442.810.108)
Số bình quân giá quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.262.818	3.262.818
<b>Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>1.723</b>	<b>(1.055)</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty chưa ước tính trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và thường ban điều hành để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu. Đến thời điểm lập Báo cáo tài chính, Công ty thực hiện điều chỉnh hồi tố chỉ tiêu "lãi cơ bản trên cổ phiếu" cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 theo số quỹ khen lợi, phúc thường thực trích được Đại hội đồng cổ đông năm 2024 phê duyệt theo Nghị quyết số 04/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 4 năm 2024. Cụ thể như sau:

	Sô báo cáo VND	Sô điều chỉnh VND	Sô sau điều chỉnh VND
Lợi nhuận/lỗ để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(3.392.810.108)		(3.392.810.108)
Trừ: Trích quỹ khen thưởng phúc lợi ước tính	-	(50.000.000)	(50.000.000)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(3.392.810.108)	(50.000.000)	(3.442.810.108)
Số bình quân giá quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.262.818		3.262.818
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>(1.040)</b>		<b>(1.055)</b>

**9. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.606.575.514	2.939.090.899
Chi phí nhân công	9.069.676.400	4.150.896.488
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.432.998.733	1.688.545.674
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.920.627.535	4.503.773.742
Chi phí khác bằng tiền	5.239.584.112	6.518.102.711
<b>Cộng</b>	<b>25.269.462.294</b>	<b>19.800.409.514</b>

**VII. THÔNG TIN KHÁC**

**1. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Danh sách các bên liên quan:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Ông Nguyễn Xuân Kiên	Cổ đông lớn nắm giữ trên 20% quyền kiểm soát
Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc	Lãnh đạo chủ chốt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

1. NGHIỆP VỤ VÀ SỔ ĐỨC VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Trưởng Ban kiểm soát trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Ông Đào Văn Dũng - Phó chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc	179.074.000	154.878.000
Ông Đoàn Văn Cường - Phó Giám đốc, Nguyên Thành viên HĐQT	190.533.000	157.707.000
Ông Hồ Văn Tuấn - Thành viên Ban kiểm soát, Nguyên Thành viên HĐQT	119.834.000	85.614.000
Ông Bùi Văn Quang - Trưởng Ban kiểm soát	149.131.000	-
Ông Cao Văn Cần - Nguyên Trưởng Ban kiểm soát	149.497.000	143.026.000
<b>Cộng</b>	<b>788.069.000</b>	<b>541.225.000</b>

2. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

*Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh*

Công ty chỉ có hoạt động duy nhất là lĩnh vực kinh doanh khai thác, chế biến khoáng sản. Do đó, theo quy định của chuẩn mực 28, Công ty không phải lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

*Bộ phận theo khu vực địa lý*

Công ty hoạt động trên cùng một lãnh thổ Việt Nam, không có sự khác biệt về mức độ rủi ro và lợi ích kinh tế giữa các bộ phận theo khu vực địa lý nên không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

3. CAM KẾT HOẠT ĐỘNG

Công ty đã ký Hợp đồng thuê đất nộp tiền hàng năm số 550A/HĐ-TĐ ngày 24/06/2005 với Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hải Dương, thuê đất tại thị trấn Phú Thứ, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương với mục đích xây dựng trụ sở công ty. Thời hạn thuê đất đến ngày 19 tháng 10 năm 2030. Diện tích đất thuê là 3.264 m2.

Ngoài ra, Công ty Cổ phần Đức Chung Thái Nguyên đã ký Hợp đồng thuê đất nộp tiền hàng năm số 118/HĐTĐ ngày 02/10/2020 với Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên, thuê đất tại xã Tân Long, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên với mục đích khai thác đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường và xây dựng công trình phụ trợ. Thời hạn thuê đất đến ngày 15/03/2047. Diện tích đất thuê là 92.324,2 m2.

4. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2024 đòi hỏi phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

5. SỔ LIỆU SO SÁNH

Sổ liệu so sánh là sổ liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được kiểm toán.

Trần Thị Vân  
Người lập biểu  
Ngày 14 tháng 03 năm 2025

Nguyễn Hữu Khiêm  
Kế toán trưởng

Đào Văn Dũng  
Giám đốc

